

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 113/2020/HS-PT
Ngày: 20 – 5 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huân, ông Nguyễn Tấn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Lê Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2020/TLPT-HS ngày 25/03/2020, đối với bị cáo Phạm Văn C, do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2020/HS-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn C**, sinh năm 1988 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Tạm trú tại: Buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị V; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau sau:

Vào cuối năm 2017 Phạm Văn C nhờ ông Vũ Xuân T liên hệ với ông Y B để thuê 01ha đất rừng tại lô 11, khoảnh 3, tiểu khu 1020 thuộc buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thời hạn thuê 25 năm, tiền thuê 20.000.000 đồng, C nhờ ông T giao cho ông Y B 15.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi đo cụ thể diện tích đất thuê sẽ trả. Việc thuê đất được thể hiện bằng hợp đồng đề ngày 12/12/2017, không có C chứng, chứng thực, hợp đồng được thực hiện giữa hai bên và không báo với chính quyền địa phương. Khoảng 10 ngày sau khi thuê đất, ông Y B cùng C đến khoảnh 3, tiểu khu 1020 thuộc buôn K, xã D, huyện K để xác định diện tích đất thuê. C biết diện tích đất trên không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, C cũng không liên hệ với chính quyền địa phương để tìm hiểu nguồn gốc diện tích đất này.

Đầu tháng 6/2018 C được ông T giao cho quản lý và sử dụng máy mức để đắp bờ ao nuôi cá và bờ ruộng gần tiểu khu 1020, buôn K, xã D, huyện K. Sau khi làm xong việc được ông T giao, C điều khiển máy mức đến khu vực đất rừng thuê của ông Y B để mức gốc cây, dùng gầu máy mức xô đổ cây, mức các bụi le và các cây bụi rồi gạt xuống dưới chân đồi, đồng thời san ủi. Hậu quả làm 8.358,9m² đất rừng tại khoanh 3 tiểu khu 1020 thuộc buôn K, xã D, huyện K bị san ủi trắng.

Trong thời gian thực hiện việc phá rừng, C thuê anh Y N xẻ cây gỗ Konia đã bị ngã, gỗ đã khô nằm trên diện tích đất rừng mà C san ủi được 02 tấm gỗ có chiều dài 320cm, rộng 70cm, dày 20cm, C chưa di chuyển hai tấm gỗ trên khỏi hiện trường. Nhưng quá trình khám nghiệm hiện trường và thực hiện điều tra không xác định được 02 tấm gỗ trên ở đâu. Đồng thời C liên hệ với ông Trần Văn U là chủ cơ sở sản xuất than củi tại thôn 2, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana để ông U vào lấy củi ở dưới khu vực chân đồi nơi C san ủi. Ông U và người làm thuê cho ông U vào lấy được khoảng 07 Stes cành củi các loại là cây đã khô nằm ngả dưới chân đồi chở về lò than và đã đốt than hết.

Sau khi thực hiện hành vi phá rừng, C có nói cho ông Vũ Xuân T biết việc làm của mình, ông T cũng đã bán chiếc xe máy mức mà C sử dụng để phá rừng cho người khác, quá trình điều tra vụ án không xác định được người mua. Sau đó C bỏ đi khỏi địa phương đến ngày 08/11/2018 C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana đầu thú và khai nhận về hành vi của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 118b/KLĐG ngày 14/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận:

- 8.358,9m² rừng tự nhiên sản xuất, trạng thái rừng xanh kiệt thuộc lô 11 khoanh 3 tiểu khu 1020 tại buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do không xác định được trữ lượng rừng nên Hội đồng định giá không có cơ sở tính thiệt hại về rừng.

- 51 lóng gỗ có khối lượng 18,978m³ và 10 ster củi quy tròn 7m³, gồm các loại: Konia, sồng răn, bời lời, sến mủ, bồ kết, dầu dầu, dền, máu chó, căm, đa có tổng giá trị thành tiền là: 42.080.400 đồng (*bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng*).

Bản án hình sự sơ thẩm sơ thẩm số: 04/2020/HSST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn C phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 28/02/2020, bị cáo Phạm Văn C có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Và tại phiên tòa hôm nay bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo của mình để xingiam nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Phạm Văn C phạm tội “*Hủy hoại rừng*”, theo khoản 1 Điều 243 và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại cácđiểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo - giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt, xử phạt bị cáo Phạm Văn C 01 năm 06 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ mong hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Lời khai của Phạm Văn C tại phiên tòa phúc thẩm, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Khoảng đầu tháng 6/2018 tại lô 11 khoảnh 3 tiểu khu 1020 tại buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Phạm Văn C sử dụng máy móc để mức gốc cây rồi dùng gàu máy mức xô đổ cây, mức các bụi le và các cây bụi khác rồi gạt xuống dưới chân đồi, đồng thời san ủi, hậu quả làm 8.358,9m² rừng sản xuất là rừng tự nhiên bị san ủi trắng.Do đó, bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “*Hủy hoại rừng*” tại khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; được Ủy ban nhân dân xã D, huyện K xin giảm nhẹ hình phạt, được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn tự nguyện bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện K số tiền 11.000.000 đồng và 15 ngày C để trồng lại rừng nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiếu sót và cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Hơn nữa, việc xử phạt như vậy mới đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội, khi mà tình trạng phá rừng tại các địa phương nói chung và tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng đang xảy ra rất phức tạp. Tại cấp phúc

thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 04/2020/HSST ngày 17/02/20 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. Krông Ana;
- VKSND H. Krông Ana;
- Công an H. Krông Ana;
- Chi cục THADS H. K;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết